

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+PPD+BK16	7:25	5+17+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
2		BK6+CI	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
3		AMD+P8+PVD2	7:25	14+6+2	0+0+0		10+6+6	0+0+0	
4		TD5+MRM+PVD3	7:25	2+11+7	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
5		TC1+BK3+CI	9:25	2+0+19	0+0+0		0+1+20	0+0+0	
6		VSP02+RC6+MRM	9:25	0+6+12	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
7		RP1+PPD+GTCL	9:25	9+13+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
8		P10+P6+CTK3	9:25	9+1+12	0+0+0		1+3+15	0+0+0	
9		AMD+HSD	11:25	19+1	0+0		19+2	0+0	
10		P2+BK5+P8	11:25	15+0+5	0+0+0		8+5+6	0+0+0	
11		P4+RP3	11:25	7+14	0+0		0+22	0+0	
12		P2+VSP01+TD3	11:25	15+2+4	0+0+0		10+3+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐI VỀ TRONG NGÀY BK5-5NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	TO: BK5 - PPD - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

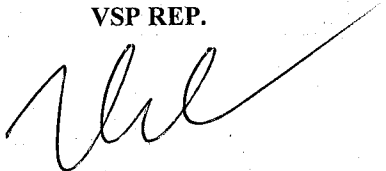
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THƯ	BK5					66	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5					71	KH-THAC	Vietnamese
3	NHÂM ĐIỆN BIÊN	BK5					68	NIPI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LINH	BK5					80	NIPI	Vietnamese
5	PHAN VĂN PHÚ	BK5	65	1	4		62	NHATHAU	Vietnamese
6	NGÔ VIỆT ANH	PPD	26	1	5	80	80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHAN	PPD	36	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	44	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	33	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	45	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ MẠU MÊN	PPD	37	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC HAI	PPD	38	1	11		93	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TÂN	PPD	31	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HAI	PPD	27	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	39	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	30	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ HIỆN THANH	PPD	28	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG TUÂN HÙNG	PPD	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	32	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN THẮNG	PPD	29	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯƠNG SƠN	PPD	35	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

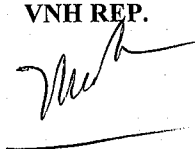
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	1	4	347	0	0		
2	PPD	17	16	81	1.227	80	13		
3	BK16	0	0	0	0	40	9		
TOTAL		22	17	85	1.574	120	22		
WEIGHT KG				85	1.574	120			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK6 - CLI	CREW: Hạnh - XTrường - DTùng	ETA: 09:15
cam-1			

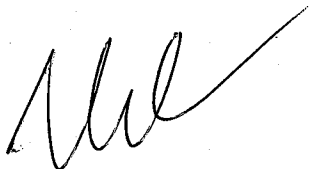
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỮU TUƠNG	BK6	60	1	6	30	60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH DANH	BK6	59	1	8		55	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG LÂM	CLI	39-40	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
4	KHOROSHENKOV	CLI	37	1	5		83	KH-THAC	Russian
5	CHENYSHEV	CLI	36	1	5		110	KH-THAC	Russian
6	DOKUCHAEV	CLI	38	1	12		105	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN HÀNG HAI	CLI	22	1	11	15	65	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI NGỌC THIẾT	CLI	31	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH VIỆT	CLI	32	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ MINH TIẾN	CLI	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	HUỲNH TRỌNG KIM	CLI	34-35	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC NGHỊ	CLI	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI					75	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	45-46	2	17		56	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH LONG	CLI	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	44	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN TỤY	CLI	43	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	29	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ HAI HẬU	CLI	06	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	41	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN MINH DUY	CLI	47,03	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

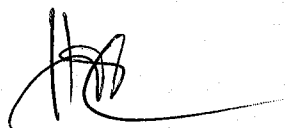
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	2	2	14	115	30	0		
2	CLI	20	23	143	1.478	45	22		
TOTAL		22	25	157	1.593	45	22		
WEIGHT KG				157	1.593	45			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

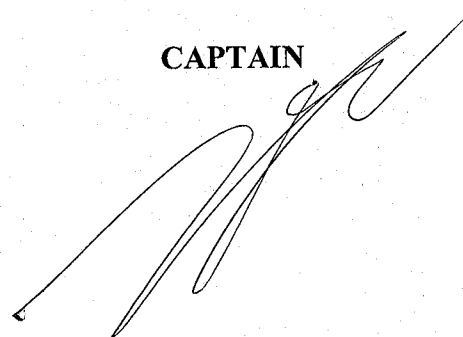
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: AMD - P8 - PVD2	CREW: HUNG - N.Anh - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUY HOANG	AMD	60	1	7	16	64	HLJOC	Vietnamese
2	PHAM DINH CUONG	AMD	61	1	5	20	69	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MINH	AMD	62	1	5	50	75	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUC	AMD	63	1	7		76	HLJOC	Vietnamese
5	HY TAC SANG	AMD	64	1	10		70	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN LE HONG VU	AMD	58	1	8		60	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THUA THIEN	AMD	52-53	2	16		71	SAI GON T	Vietnamese
8	HUYNH NGOC TIEN	AMD	55-56	2	12		68	SAI GON T	Vietnamese
9	TRAN VAN QUAN	AMD	54	1	9		70	SAI GON T	Vietnamese
10	DO DUC THINH	AMD	65	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN TAN TRI	AMD	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DAO CONG BINH	AMD	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	57	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HAM CHUNG	P8	88	1	6		75	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM HONG VU	P8	89-90	2	16		47	XAYLAP	Vietnamese
16	DO NGOC TAM	P8	300	1	10		89	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BANG	P8	83	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN BA THANH	P8	84-85	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG DINH HOA	P8				27	62	XAYLAP	Vietnamese
20	LE THANH THAI	PVD2	18	1	12	30	100	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN TRONG ANH	PVD2	19	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	15	99	900	86	10		
2	P8	6	7	58	415	27	6		
3	PVD2	2	2	19	170	30	6		
TOTAL		21	24	176	1.485	143	22		
WEIGHT KG				176	1.485	143			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: TD5 - MRM - PVD3	CREW: L Hải - Vận - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1A			

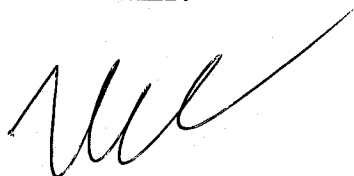
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HONG LINH	TD5	06-07	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN CHI CUONG	TD5	08	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	KARIMOV TAGIR	MRM	28-29	2	15		78	D-HANH	Russian
4	NAFIS KHALITOV	MRM	97-98	2	10		84	KHOAN	Russian
5	DROZDOV	MRM	25	1	5		80	AMHGP	Russian
6	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	30	1	6		80	AMHGP	Russian
7	POGIEV V.	MRM	27	1	6		92	AMHGP	Russian
8	MAISHEV VLADIMIR	MRM	26	1	5	85	99	AMHGP	Russian
9	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	31-32	2	15		102	AMHGP	Russian
10	KARAVKA ANTON	MRM	33	1	12		82	AMHGP	Russian
11	STEPANOV OLEG	MRM	99	1	6		105	AMHGP	Russian
12	EROFEEV D.	MRM	900	1	6		93	AMHGP	Russian
13	NGUYEN NGOC CHIEN	MRM	34	1	7		57	PVD	Vietnamese
14	PHAM VAN MINH	PVD3	300	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN KHANH	PVD3	09	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
16	NGO VAN THUYEN	PVD3	94	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THE	PVD3	99	1	4	40	58	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG QUANG MINH	PVD3	10	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
19	HUYNH KIM LONG	PVD3	03,97	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
20	VU XUAN PHONG	PVD3	93	1	10		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	3	13	133	0	0		
2	MRM	11	14	93	952	85	10		
3	PVD3	7	8	49	470	40	12		
TOTAL		20	25	155	1.555	125	22		
WEIGHT KG				155	1.555	125			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: TTC1 - BK3 - CLI	CREW: VThắng - NPhú - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

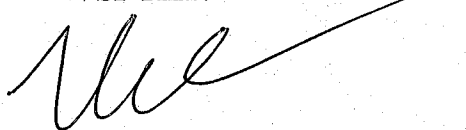
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TUẤN ANH	TTC1	68	1	7		82	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG PHÚ	TTC1	70	1	7	60	74	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN VAN DONG	TTC1	69	1	5		50	GETR	Vietnamese
4	ĐINH VĂN HOÀNG	CLI	10	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGUYỄN QUANG	CLI	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	33	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	11	1	13		95	PVDT	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	09	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TRỌNG TUẤN	CLI	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	35	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	12-13	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	07	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH QUANG	CLI	14	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH LÊ TUẤN	CLI	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ROGINSKY	CLI	26	1	12		107	ANTOAN	Russian
17	NGUYỄN HUY HOÀNG	CLI	29-30	2	15		70	ANTOAN	Vietnamese
18	NGO DUY KHIEM	CLI	36-37	2	15		67	YTE	Vietnamese
19	LUU QUY TRUNG	CLI	27	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG ANH	CLI	31	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	BUI NGỌC TÂN	CLI	28	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	CLI	34	1	10		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	3	3	19	206	60	0		
2	BK3	0	0	0	0	25	1		
3	CLI	19	22	157	1.358	0	20		
TOTAL		22	25	176	1.564	85	21		
WEIGHT KG				176	1.564	85			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: VSP02 - RC6 - MRM	CREW: Hạnh - XTrường - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN KY	RC6	79	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TUẤN	RC6					70	KH-THAC	Vietnamese
3	BOIKO D.G	RC6	80-81	2	16		90	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN SỸ TUẤN	RC6	78	1	10		72	DVL	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUÔNG	RC6	92	1	8		78	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	RC6	82	1	5		70	SCHLUMB	Vietnamese
7	DINH NGOC HA	MRM	52	1	3		60	PVD	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THAI	MRM	51	1	5		79	PVD	Vietnamese
9	DUONG QUOC VIET	MRM	41	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	DUONG MINH VIET	MRM	53	1	8		60	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	MRM	46-47	2	5		71	OSC	Vietnamese
12	LE MINH HOAN	MRM	45	1	8		78	OSC	Vietnamese
13	LE QUANG NGHIEP	MRM	42-43	2	15		65	DMC	Vietnamese
14	SELIVANOV	MRM	48-49	2	14		76	AMHTP	Russian
15	KICHEV	MRM	54	1	4		70	AMHTP	Russian
16	NAUMOV SERGEY	MRM	44	1	5		82	AMHTP	Russian
17	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	50	1	6		90	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	0	0	0	0	0	3		
2	RC6	6	6	44	445	40	2		
3	MRM	11	14	83	791	0	16		
TOTAL		17	20	127	1.236	40	21		
WEIGHT KG				127	1.236	40			

GRAND TOAL: 1.403 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: RP1 - GTC1 - PPD	CREW: HUNG - N.Anh - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THÔNG	RP1	72	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM QUANG HUY	RP1	55	1	10		105	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HIẾN	RP1	95	1	12	40	82	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG NGOC HOAI	RP1	900	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	RP1	91-92	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN QUANG	RP1	69-71	3	16	45	73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ ANH	RP1	93-94	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ANH CUÔNG	RP1	89	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUẬT	RP1	54	1	4		66	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	55	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUÝ	PPD	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	52	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HUỲNH BA NINH	PPD	54	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN DOãn HƯỜNG	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HOAI THANH	PPD	57-58	2	15		70	YTE	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC QUANG	PPD	48	1	3		70	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN TIẾN	PPD	47	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN MẠU SƠN	PPD	56	1	5		74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	46	1	3		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					58	PSV	Vietnamese
21	TRẦN MINH THUẬN	PPD	51	1	5		71	PSV	Vietnamese
22	PHI DUY HOÀN	PPD	59-60	2	12		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	13	108	696	85	0		
2	GTC1	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	13	13	79	895	0	20		
TOTAL		22	26	187	1.591	85	22		
WEIGHT KG				187	1.591	85			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: P10 - P6 - CTK3	CREW: LHM - Vn - ĐANG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGOC CUONG	P10	68	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ NGUYỄN MINH PHUOC	P10	75	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN TIEN DUNG	P10	78-79	2	8		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VU HOI	P10	76-77	2	11		75	XAYLAP	Vietnamese
5	LUU ĐUC THINH	P10	73	1	12	30	73	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG QUYEN	P10	74	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN THANH NAM	P10	72	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO ĐUC THUẬN	P10	69	1	16		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VIET PHONG LUU	P10	70-71	2	19		87	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG THAI SON	P6	11	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	88-90	3	14		86	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN QUYEN	CTK3	85-86	2	15		65	YTE	Vietnamese
13	LAI VAN SANG	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
14	LÊ ĐAM	CTK3	79	1	2		65	PSV	Vietnamese
15	ĐO VĂN QUANG	CTK3	91	1	5		69	PSV	Vietnamese
16	VŨ NGỌC NAM	CTK3	82	1	5		78	PSV	Vietnamese
17	ĐẠU CÔNG SAU	CTK3	87	1	5	55	80	PSV	Vietnamese
18	LÊ QUANG HA	CTK3	81	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	78	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MANH TIEN	CTK3	80	1	3		56	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN ĐANG TUNG	CTK3	84	1	12		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	83	1	2		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	12	121	635	30	2		
2	P6	1	1	10	81	0	3		
3	CTK3	12	14	75	829	55	15		
TOTAL		22	27	206	1.545	85	20		
WEIGHT KG				206	1.545	85			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	TO: AMD - HSD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hồi - VLin - MQUÂN	ETA: 13:10
NAU-3			

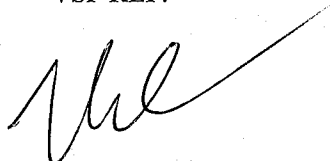
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. TRẦN QUỐC KHANG	AMD	98-99	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN LAM	AMD	75	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	300	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	76	1	7	6	76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	83	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	01-02	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG LÊ ANH DŨNG	AMD	80-81	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	84	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	AMD	96-97	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU CUÔNG	AMD	78-79	2	9		77	KH-THAC	Vietnamese
11	YA LỘC	AMD	03	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ANH TUNG	AMD	87-88	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
13	HOANG MINH THƯƠNG	AMD	85-86	2	13		65	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG MINH TUÂN	AMD	74	1	7		73	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM THANH HAI	AMD	90-91	2	11		64	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUNG	AMD	82	1	6		68	PSV	Vietnamese
17	ĐÌNH CÔNG HOANG	AMD	94-95	2	15		64	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	92	1	3		64	PSV	Vietnamese
19	LƯU NGỌC TRUNG	AMD	77	1	7		68	PSV	Vietnamese
20	LANG VAN KHANH	AMD	89	1	8		65	SGONTRAD	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỞNG THO	HSD	17-18	2	11	85	64	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

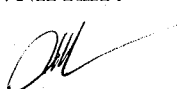
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	29	196	1.405	6	19		
2	HSD	1	2	11	64	85	3		
TOTAL		21	31	207	1.469	91	22		
WEIGHT KG				207	1.469	91			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: P2 - BK5 - P8	CREW: Hạnh - Mạnh - Huy	ETA: 13:15
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SON HAI	P2	70	1	6		65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HOAI VU	P2	56	1	4		63	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN VAN CAN	P2	57	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
4	HA VAN CANH	P2	55	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG VINH	P2	52	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
6	PASHANOV	P2	59-60	2	7		105	KH-THAC	Russian
7	LE VAN DUNG	P2	66	1	10	60	66	CO DIEN	Vietnamese
8	KIM NHAT THANH	P2	58	1	10		70	CO DIEN	Vietnamese
9	NGUYEN CONG THANH	P2	61	1	10		70	CO DIEN	Vietnamese
10	HO DAI PHUONG	P2	62-63	2	8		80	CO DIEN	Vietnamese
11	VU DUY PHUONG	P2	64	1	6		63	CO DIEN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ANH	P2	65	1	5		58	CO DIEN	Vietnamese
13	NGUYEN CONG KHOAI	P2	67	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MINH TUAN	P2	68-69	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM NGOC TIEM	P2	53-54	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HA	P8	47	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DIEN	P8	66	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
18	LE VAN VUONG	P8	45-46	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN ANH PHUC	P8	42	1	5	16	50	XAYLAP	Vietnamese
20	QUAN VAN KHANH	P8	52	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	19	128	1.055	60	8		
2	BK5	0	0	0	0	0	5		
3	P8	5	6	57	315	16	6		
TOTAL		20	25	185	1.370	76	19		
WEIGHT KG				185	1.370	76			

GRAND TOAL: 1.631 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	TO: P4 - RP3	CREW: ĐỨC - TĐông - ĐANG	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	P4	06	1	7		73	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH VƯƠNG	P4	01-02	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	P4	04-05	2	13		87	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VĂN NGỌC	P4	07-08	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM DUY ĐỀN	P4	10	1	12	13	60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHÚC SANG	P4	09	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CHU	P4	03	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU VĂN	RP3	47-48	2	11		76	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	RP3	44	1	3		73	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUÂN	RP3	46	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
11	LÊ VĂN TIẾP	RP3	27-28	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	RP3	19	1	5		51	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RP3	45	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HẠNH	RP3	24-25	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ CÔNG NAM	RP3	21	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ PHÚC HOÀNG	RP3	26	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH PHONG	RP3	18	1	17	70	64	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN BA QUY	RP3	16-17	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ MẠNH DUNG	RP3	20	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	49	1	8		71	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VĂN DUNG	RP3	22-23	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	7	10	88	469	13	0		
2	RP3	14	19	152	952	70	22		
TOTAL		21	29	240	1.421	83	22		
WEIGHT KG				240	1.421	83			

GRAND TOTAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	TO: P2 - VSP01 - TD3	CREW: HUNG - MTHAO - QTruong	ETA: 13:20
HONG-3			

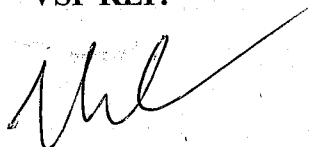
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG TUAN VIET	P2	43	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VAN TUAT	P2	44	1	14		79	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THOA	P2	41	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM TUAN KHANH	P2	42	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
5	LE HUY KHANH	P2	45-46	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG HAI	P2	40	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
7	LE QUY BUONG	P2	90	1	14		63	XAYLAP	Vietnamese
8	KYREEV	P2	91-92	2	14		89	NI PI	Russian
9	SAVELEV	P2	93-95	3	20		108	NI PI	Russian
10	DO XUAN LONG	P2	97	1	8		65	NI PI	Vietnamese
11	TA QUANG PHUC	P2	39	1	5		108	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN TEO	P2	96	1	4		54	PSV	Vietnamese
13	HOANG XUAN DONG	P2	98	1	5		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DANG TUONG ANH	P2	99	1	5		58	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN DAI	P2					75	PSV	Vietnamese
16	GEFTMAN M.R	VSP01	24	1	8	60	107	KH-THAC	Russian
17	GRICHENKOV Y.V	VSP01	22-23	2	20	28	84	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN NAM CUONG	TD3	85	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HUNG	TD3	83	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
20	DANG HUY LONG	TD3	84	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	18	164	1.084	0	10		
2	VSP01	2	3	28	191	88	3		
3	TD3	3	3	19	226	0	9		
TOTAL		20	24	211	1.501	88	22		
WEIGHT KG				211	1.501	88			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

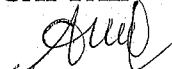
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/04/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+CLO	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PVD2 - CLO	CREW: VThắng - CHIẾN - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN THEM	PVD2	95	1	7		70	XNK-SG	Vietnamese
2	LE QUANG CUONG	PVD2	97	1	10		70	XNK-SG	Vietnamese
3	VU QUANG	PVD2	96	1	10	17	70	DH	Vietnamese
4	CAP VAN SEN	PVD2	25	1	8		52	PVD.DD	Vietnamese
5	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	99	1	10		75	PVD.DD	Vietnamese
6	KHUONG VAN CHUC	PVD2	900,23	2	12		60	PVDO	Vietnamese
7	VO QUANG LOC	PVD2	27	1	10		69	PVDO	Vietnamese
8	HOANG QUANG THANH	PVD2	98	1	8		62	PVDO	Vietnamese
9	DO VAN TIEN	PVD2	28	1	6		47	PVDO	Vietnamese
10	TRAN DUC CUONG	PVD2	26	1	9		66	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LANG	PVD2	29	1	7		55	PVDO	Vietnamese
12	TRAN THANH TAM	PVD2	30	1	12		55	PVD-BHI	Vietnamese
13	DOAN BUU TAM	PVD2	24	1	10		105	XNK&SG	Vietnamese
14	VO HUU NHAN	PVD2	35	1	5		60	PVD LOGC	Vietnamese
15	PHAM QUANG VINH	PVD2	31-32	2	15		64	PVD LOGC	Vietnamese
16	HUYNH HOANG VIET	PVD2	33-34	2	12		58	PVD LOGC	Vietnamese
17	TRUONG NHAT QUANG	PVD2	36-37	2	17		81	PVD LOGC	Vietnamese
18	NGUYEN THE TRA	PVD2	50-52	3	18		70	SCHLUMBER	Vietnamese
19	DUONG THANH TUNG	CLO	15	1	4		71	D-HANH	Vietnamese
20	ZADOROZHNYI V.E	CLO	16	1	6	65	98	KHOAN	Russian
21	PHAM THANH LINH	CLO	13	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
22	TÀ HOAI TRANG	CLO	14	1	9		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	18	24	186	1.189	17	18		
2	CLO	4	4	22	298	65	4		
TOTAL		22	28	208	1.487	82	22		
WEIGHT KG				208	1.487	82			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN